TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ T** TỈNH ANGIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 02 – 2018

"V/v ly hôn giữa chị N và anh Đ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T , TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Ngọc Điệp
2. Ông Đoàn Trí Thiện

- ***Thư ký phiên tòa***: Trương Phú Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu N – Sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Đ, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn Đ – Sinh năm 1977(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 01, ấp Phú C, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thu Ng trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 1999 chị và anh Huỳnh Văn Đ chính thức thành vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Th, giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 30/5/2009. Vợ chồng sống bình thường, năm 2002 phát sinh mâu thuẫn do anh Đ cờ bạc không lo làm ăn, từ năm 2011 đến nay vợ chồng ly thân. Nay chị xác định không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

Tại văn bản (Tờ tường trình) ngày 15/01/2018 anh Huỳnh Văn Đ trình bày như

trình bày trên của chị Ng về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn, năm 2002 phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp nên thường xuyên từ năm 2011 đến nay vợ chồng ly thân, chị Ng xin ly hôn, anh đồng ý. Anh Đ đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Bảo T, sinh ngày 28/7/2000 hiện nay đang sống với anh Đ, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng, Chị Ng đồng ý giao con cho anh Đ tiếp tục nuôi.

- Về chia tài sản và nợ chung: Chị Ng và anh Đ trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thu Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Huỳnh Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Huỳnh Văn Đ.

[2] Hôn nhân của chị Nguyệt và anh Đ. là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, có thời gian ly thân từ năm 2011 đến nay, trong thời gian dài ly thân anh, chị cũng không có hàn gắn. Qua đó cho thấy mâu thuẫn của chị Ng và anh Đ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ng yêu cầu ly hôn và anh Đ đồng ý. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyệt là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa chị Nguyễn thu Ng và anh Huỳnh Văn Đ.

[3] Về nuôi con chung: Anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Bảo T đang sống với anh Đ, chị Ng đồng ý giao con cho anh Đ nuôi và cháu T cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với anh Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ được trực tiếp nuôi cháu T và anh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng, nên chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản: Hai bên không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh

nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thu Ng với anh Huỳnh Văn Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Huỳnh Bảo T – Sinh ngày 28/7/2000 cho anh Huỳnh Văn Đ được tiếp tục nuôi, hiện nay anh Đ đang nuôi. Chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Chị Ng có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận chị hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thu Ng phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0016444 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị Ng không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Kim Phương